

# Tiếp cận lý thuyết cấu trúc - chức năng trong đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học và quan điểm vận dụng ở Việt Nam

Nguyễn Thế Hưng

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến phát triển khoa học và công nghệ, coi khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) đã có nghị quyết riêng về khoa học và công nghệ, Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) đã có kết luận tiếp tục đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ theo định hướng đã được đề ra tại Hội nghị Trung ương 2. Quốc hội đã thông qua luật khoa học và công nghệ tháng 6/2000, có hiệu lực từ 01/01/2001. Chính phủ cũng đã ban hành và triển khai nhiều chính sách nhằm thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt là hoạt động khoa học và công nghệ tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu. Cùng với quá trình đổi mới cơ chế kinh tế, phương thức quản lý kinh tế, trong những năm qua phương thức quản lý khoa học và công nghệ từng bước được đổi mới, hoạt động khoa học và công nghệ đã có bước chuyển biến và đạt một số tiến bộ và kết quả nhất định, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, hoạt động khoa học và công nghệ của nước ta hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đại hội Đảng lần thứ IX đã nghiêm túc kiểm điểm và chỉ ra những hạn chế cơ bản của hoạt động khoa học và công nghệ hiện nay là: “Chưa thực sự gắn kết với nhu cầu và hoạt động của các ngành kinh tế, xã hội; chậm đưa vào ứng dụng những kết quả đã được nghiên cứu; trình độ khoa học và công nghệ của ta còn thấp hơn nhiều so với các nước xung quanh... Các Cơ quan, tổ chức nghiên cứu, các doanh nghiệp và các trường đại học chưa gắn kết với nhau. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu tập trung và đứt điểm cho từng mục tiêu. Cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao tuy còn ít, song chưa được sử dụng tốt”<sup>1</sup>.

Để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ một cách có hiệu quả và quản lý tốt hoạt động nghiên cứu này là việc làm không thể tiến hành một cách mò mẫm và thiếu căn cứ khoa học. Chúng ta đã phải trả giá đắt cho những bước đi thiếu tính định hướng trong nhiều năm qua. Vì thế, trước yêu cầu đổi mới và hội nhập đất nước, hơn lúc nào hết hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ phải được xem như một chính sách quốc gia ưu tiên. Bài viết này tập trung vào việc sử dụng cách tiếp cận lý thuyết xã hội học, mà cụ thể là trường phái cấu trúc - chức năng trong nghiên cứu đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học và quan điểm vận dụng ở Việt Nam hiện nay.

## 2. Tiếp cận lý thuyết cấu trúc chức năng trong quản lý nghiên cứu khoa học

Có rất nhiều cách tiếp cận về mặt lý thuyết, lý luận về quản lý nghiên cứu khoa học như: *tiếp cận hệ thống* coi các cơ quan, tổ chức, cơ quan, tổ chức nghiên cứu như một chỉnh thể trong mối quan hệ với các nhóm xã hội chức năng khác; *Tiếp cận phát triển*: Đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học tại các cơ quan nghiên cứu phải được xem xét trong sự chuyển đổi của xã hội Việt Nam; *Tiếp cận lịch sử*: Nghiên cứu đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu phải được đặt trong điều kiện lịch sử cụ thể về thời gian và không gian, tình hình phát triển của xã hội, đồng thời phải xuất phát từ đời sống thực tế, vị thế của khoa học và công nghệ trong sự phát triển đất nước.

Tuy nhiên, lý thuyết *cấu trúc- chức năng* là một trong những hướng được sử dụng rộng rãi trong các phân tích xã hội học. Lý thuyết này nhấn mạnh những đóng góp chức năng của một bộ phận trong xã hội để duy trì cấu trúc cũ; điều cơ bản là xã hội có tính trật tự và thống nhất, sự đồng tình, đoàn kết xã hội, *cán*

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 2001. Tr. 255.

*bằng nội tại đảm bảo cho trật tự xã hội.* Lý thuyết cấu trúc- chức năng cho rằng việc đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học là đáp ứng sự vận hành của xã hội (mỗi bộ phận, thành phần, tổ chức xã hội có chức năng xã hội riêng) và tập trung vào sự hội nhập, sự ổn định xã hội. Các nhà chức năng luận có đề cập đến *sự biến đổi, tiến bộ văn hóa văn minh nhưng đó là sự chuyển từ thế cân bằng cũ sang thế cân bằng mới và định hướng cho sự chuyển đổi cân bằng.*

Thuyết cấu trúc- chức năng cho rằng đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học là hợp lý, là tất yếu nó đưa lại sự duy trì các bộ phận cấu trúc cũ. Nguyên lý lý thuyết này cho phép nhìn nhận chức năng của mỗi bộ phận trong các tổ chức R&D<sup>2</sup>, các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khoa học trong xã hội; thấy được sự hội nhập cộng đồng, sự ổn định, trật tự và hợp tác của cộng đồng khoa học trong đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học (quản lý R&D). Theo như các nhà chức năng luận thì hầu hết các thành viên trong cộng đồng khoa học đều nhất trí về những gì đáng có và đáng để vươn đến - đó là sự cam kết về các chuẩn mực trong khoa học. Nói cách khác là có sự nhất trí về các giá trị và lợi ích.

Auguste Comte chưa nói đến “chức năng” nhưng ông đã chuẩn bị trước cho phép phân tích chức năng qua việc xử lý tương tự giữa cơ thể cá nhân và xã hội. Herbert Spencer cũng cho rằng “xã hội như là cơ thể sống” và so sánh những tổ chức cơ thể sống với xã hội. Theo ông, giữa các thành phần của cơ thể đều có “sự phụ thuộc chức năng”. Các cá nhân là các đơn vị của cơ thể xã hội, họ tham gia vào sự phát triển của nó dù không nhận biết về điều đó.

Vận dụng luận điểm này trong nghiên cứu đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học của cộng đồng khoa học cần chỉ ra các nhân tố hay các biến số tác động tới xu hướng, nhịp độ của đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu đa ngành, các tổ chức nghiên cứu R&D.

Cùng thời với Spencer, Emile Durkheim đã góp phần phát triển quan điểm lý thuyết cấu trúc chức năng. Ông đưa ra khái niệm *đoàn kết xã hội* (Social Solidarity) để chỉ các quan hệ giữa các cá nhân và xã hội, giữa cá nhân với nhóm và giữa các cá nhân với nhau. Ông phân biệt hai hình thức cơ bản của đoàn kết xã hội là đoàn kết cơ học và đoàn kết hữu cơ và tương ứng với nó là hai kiểu xã hội. Xã hội kiểu cơ học (truyền thống) và xã hội kiểu hữu cơ (hiện đại). Theo như quan điểm của Durkheim, thực chất của việc đổi mới phương thức, cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học (quản lý R&D) là thay đổi cơ chế xã hội từ xã hội kiểu cơ học (truyền thống) sang xã hội kiểu hữu cơ (hiện đại), từ hình thức tổ chức nghiên cứu khoa học kiểu cơ học quan liêu máy móc, tổ chức khoa học quan liêu nghề nghiệp, tổ chức khoa học có cấu trúc giản đơn của xã hội kiểu cơ học truyền thống sang tổ chức khoa học có cấu trúc dự án và cấu trúc ma trận của xã hội hữu cơ (hiện đại) rất có hiệu quả trong môi trường không ổn định như trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế quản lý kinh tế quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa như ở nước ta hiện nay.

Kingsley Davis và Moore là các nhà xã hội học nổi tiếng trong những năm 1950. Các tác giả này tập trung phân tích phân tầng mang tính cấu trúc- chức năng. Theo họ, xã hội bao giờ cũng tồn tại những vị trí xã hội khác nhau quan trọng hơn những vị trí xã hội khác. Vì thế dẫn đến một số vị trí dễ dàng đạt được còn một số vị trí khác thì khó đạt tới. Theo các tác giả này có hai vấn đề giải thích cho việc phải tiến hành đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học tại các cơ quan nghiên cứu: 1) Mỗi một xã hội đều làm cho các cá nhân, các tổ chức khoa học phù hợp về việc chiếm giữ một địa vị xã hội nhất định nào đó trong cộng đồng khoa học. 2) Khi đứng ở địa vị của mình thì chính xã hội cũng làm cho cá nhân, tổ chức khoa học đó thấm nhuần những mong đợi về việc thực hiện những đòi hỏi của địa vị ấy ra sao, phải làm sao hoàn thành được những đòi hỏi vai trò sao cho tương xứng với vị trí mà cá nhân hay tổ chức đang chiếm đóng. Đối với trường hợp các cơ quan, tổ chức nghiên cứu khoa học ở Việt Nam, đây là những tổ chức khoa học có uy tín khoa học rất lớn tại nước ta và kỳ vọng xã hội đối với các tổ chức khoa học này theo đó cũng rất lớn. Trách nhiệm và vai trò nghiên cứu khoa học của các cơ quan, tổ chức nghiên cứu ngày càng lớn để có thể phục vụ kịp thời sự thay đổi về mọi mặt của đất nước. Như vậy, việc đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học là một vấn đề tất yếu.

Về mặt cấu trúc, các tác giả đã giải thích sự xếp đặt vị trí xã hội trong bất kỳ xã hội nào cũng do ba nguyên nhân cơ bản dẫn tới là: 1) Một số địa vị giành được dễ dàng hơn những địa vị khác. 2) Vì sự tồn tại của xã hội nên một số địa vị sẽ quan trọng hơn một số địa vị khác. 3) Những vị trí xã hội khác nhau đòi hỏi những khả năng và những phẩm chất khác nhau đối với cá nhân và các tổ chức xã hội.

<sup>2</sup> Rereach and Development: Nghiên cứu và Triển khai.

Davis và Moore đặc biệt quan tâm đến *vị trí xã hội quan trọng hơn* về mặt chức năng. Họ cho rằng *những vị trí có tầm quan trọng hơn đối với xã hội đòi hỏi những cá nhân, những tổ chức có khả năng, trình độ đặc biệt, có năng lực cao hơn so với vị trí khác mới làm được, do vậy xã hội phải cho cá nhân, tổ chức đó quyền lực, tài sản, trọng thưởng những vị trí đó.* Tiếp cận trên quan điểm này, nếu đã coi các cơ quan, tổ chức nghiên cứu đa ngành như cơ quan, tổ chức Khoa học xã hội Việt Nam hay cơ quan, tổ chức Khoa học Công nghệ Việt Nam là những cơ quan, tổ chức nghiên cứu có những vị trí quan trọng và phải đảm đương những chức năng mà không một cơ quan, tổ chức nghiên cứu nào có thể đảm nhận trong sự nghiệp khoa học của nước ta thì đòi hỏi Nhà nước cũng phải có những đầu tư tương xứng cả về vật lực, nhân lực, tài lực và tin lực cho những tổ chức khoa học này.

Theo Davis và Moore, xã hội phải do những người có năng lực, phẩm chất lãnh đạo. Do vậy, việc đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học trong các cơ quan, tổ chức nghiên cứu đa ngành thực chất cần phải tập trung vào việc đổi mới phương thức quản lý và sử dụng nhân lực khoa học tại các cơ quan khoa học này. Tạo cơ chế, chính sách để có thể thu hút được nhân lực khoa học có năng lực và phẩm chất nghiên cứu, lựa chọn những người lãnh đạo, tổ chức và quản lý khoa học phù hợp có năng lực... Đây là một giải pháp có chức năng tích cực giúp cho xã hội tìm được những tài năng để chịu trách nhiệm quan trọng trong việc đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học...

Quan điểm cấu trúc - chức năng của Davis và Moore còn có một số hạn chế như quá nhấn mạnh quan điểm "cạnh tranh lành mạnh" mà trên thực tế thì không hoàn toàn như vậy. Có những cá nhân tài giỏi, những tổ chức khoa học có năng lực nghiên cứu nhưng không được trọng dụng (phân chức năng). Trong số đông các cơ quan, tổ chức nghiên cứu nhưng chỉ có một số được trọng dụng, một số khác đứng im hoặc đi xuống... Tại sao có hiện tượng có những cơ quan, tổ chức nghiên cứu có năng lực nghiên cứu, có khả năng nhưng các nghiên cứu khoa học tại các cơ quan, tổ chức này vẫn chưa có hiệu quả, và các cơ quan này cũng không được giao nhiều nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Nhưng lại có các cơ quan, tổ chức nghiên cứu tuy năng lực nghiên cứu không cao, khả năng nghiên cứu không nổi trội lại được giao những nhiệm vụ nghiên cứu rất quan trọng... các ông chưa giải quyết được những vấn đề bất cập trong thực tế xã hội.

Đại diện tiêu biểu cho trường phái lý thuyết cấu trúc - chức năng trong xã hội học Mỹ có thể kể đến: Robert K. Merton, Marion J. Levy Jun và Talcott Parsons. Thuyết chức năng, hay như Merton gọi là "phân tích chức năng" là một loại phương pháp giải thích có điều tiết"; "chức năng xã hội liên quan tới các hệ quả khách quan quan sát được, chứ không phải các tâm trạng chủ quan (mục tiêu, lý do, ý nghĩa)".

Theo Merton, một số chức năng: *Chức năng biểu hiện* (là những chức năng có mục đích và được thừa nhận), *chức năng tiềm tàng* (không có mục đích và không được ghi nhận) và không phải mọi yếu tố xã hội đều góp phần tích cực, một số yếu tố có những hậu quả tiêu cực gọi là *phân chức năng*. Một chức năng tiềm tàng (và tích cực của nguyên tắc hành chính là *ủng hộ cơ hội việc làm bình đẳng đối với mọi người, mọi tổ chức*). Những phân chức năng của các nguyên tắc hành chính là tính cứng nhắc, không hiệu quả. Dĩ nhiên, cái gì là tiêu cực cho một bộ phận này của xã hội có thể là tích cực cho bộ phận khác.

Nếu nhìn một cách hệ thống thì Levy đã xử lý chu đáo những giác độ của thuyết chức năng xã hội học mà Merton đã không xét đến: *Phân tích yêu cầu* chính là cái đặc biệt thích hợp trên bình diện xã hội. Các yêu cầu chức năng hướng dẫn việc tìm các yêu cầu cấu trúc, nhưng chúng không thể được phân loại theo từng điểm một vì lý do có *tương đương chức năng*.

Trụ cột của thuyết chức năng cấu trúc trong những năm 1950-1960 ở Mỹ là Talcott Parsons. Theo ông, xã hội như một hệ thống có thể được nghiên cứu theo *bốn yêu cầu chức năng*:

A (adaptation) "Thích nghi": *Kinh tế*

G (goal attainment) "Sự đạt mục tiêu": *Chính trị*

I (integration) "Hội nhập": *Kiểm soát xã hội / cộng đồng*

L (latent maintainance) "Duy trì kiểu mẫu lặn, mô hình": *Văn hóa*

Theo Parsons mọi hệ thống xã hội đều duy trì bốn yêu cầu chức năng trên. Mỗi loại xã hội có cấu trúc và chức năng đặc thù. Cộng đồng khoa học nào, nền khoa học của quốc gia/xã hội nào mạnh nhóm chức năng nào thì khi tiến hành đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học người ta tập trung vào chức năng đó. Tuỳ theo đặc thù xã hội, đặc thù của cộng đồng khoa học cần phải nhấn mạnh thành tố nào thì việc đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học của nền khoa học đó sẽ tập trung mạnh vào các thành tố đó, dù tập trung vào thành tố nào đi chăng nữa nhưng mọi sự đổi mới đều làm cho nền khoa học của xã hội đó ổn định và phát triển. Như vậy, việc nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học tại các cơ

quan, tổ chức nghiên cứu đa ngành cần phải được tiến hành trên cơ sở nghiên cứu thực trạng quản lý nghiên cứu khoa học tại các cơ quan/đơn vị khoa học này, từ đó mới có thể phân tích và rút ra những điểm mạnh và điểm yếu trong công tác quản lý nghiên cứu khoa học tại các cơ quan/tổ chức khoa học này. Trên cơ sở đó mới có thể đưa ra được các “điểm nhấn” trong công tác đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học theo quan điểm của Parsons.

Parsons đặc biệt nhấn mạnh tới những mục đích cuối cùng của *hành động*. “Một hành động được coi là hợp lý khi mục đích biện minh cho sự cố gắng”. Phương pháp của ông là phương pháp cấu trúc - chức năng. *Cấu trúc là tập hợp những liên hệ tương đối bền vững. Còn chức năng thì đòi hỏi phải hiểu bộ phận bằng mối quan hệ của nó với toàn thể.*

Theo Parsons các cấp độ xã hội được sắp xếp một cách trật tự, rõ ràng và chúng hòa nhập với nhau theo hai cách: 1) Mỗi một cấp độ thấp hơn phải cung cấp những *điều kiện* và những *năng lực* cần thiết cho những mức độ cao hơn; 2) Các cấp độ cao hơn phải *chi phối, quản lý* được cấp độ thấp hơn theo một hệ thống thứ bậc.

Mục tiêu chính của thuyết chức năng cơ cấu là giải thích hiện tượng hoàn toàn không tất nhiên rằng các hệ thống xã hội dù cho có yếu tố rất khác nhau, vẫn hoạt động một cách đáng tin cậy và tồn tại lâu dài. Vậy điều quan tâm chính cái đang tồn tại chứ không phải kiểm tra các khả năng lựa chọn.

Thuyết chức năng cơ cấu cơ cấu nhìn nhận xã hội như một dạng cơ cấu trong đó từng bộ phận một đều có một chức năng cụ thể. Mỗi chức năng đó có thể xác định được nhằm để duy trì hệ thống xã hội tổng thể. Tất cả các hình thái xã hội dù lớn hay bé đều hướng tới trạng thái cân bằng. Các thành phần trong xã hội phải hoạt động hoàn hảo và không có xung đột. Mỗi thành phần trong xã hội đều có mối quan hệ khăng khít với thành phần khác để đảm bảo sự duy trì hệ thống tổng thể chung.

Trong bối cảnh của xã hội châu Âu nhìn chung, thì nhà lý thuyết chức năng cơ cấu nhấn mạnh vào: trật tự, sự hài hòa, hợp nhất và sự lành mạnh xã hội. Điều này là không đáng ngạc nhiên khi lịch sử châu Âu vào thế kỷ XX với hai cuộc chiến tranh thế giới của nó, tội diệt chủng và những xung đột về giai cấp và hệ tư tưởng. Điều đáng chú ý là các nhà xã hội học Mỹ như Parsons phải đồng ý với Durkheim rằng các quan điểm theo thuyết chức năng cơ cấu là giải thích sáng tỏ nhất đối với thế giới đương thời được đặc trưng bởi những sự kiện như vậy. Đối với họ thuật chức năng đã đưa ra một quan điểm vạn năng về cấu trúc xã hội và trong trường hợp của Parsons thì thuyết vạn năng có thể áp dụng được đối với mọi phạm vi của đời sống xã hội.

Về cơ bản "cấu trúc" là hệ thống ổn định, còn "chức năng" là hành vi duy trì hệ thống. Các nhà chức năng luận có đề cập đến sự biến đổi, tiến bộ - văn hóa văn minh nhưng đó là sự chuyển từ hệ cân bằng cũ sang cân bằng mới và định hướng cho sự chuyển đổi cân bằng. Do vậy, việc đổi mới phương thức quản lý nghiên cứu khoa học thực chất là chuyển đổi cơ chế quản lý cũ sang sự cơ chế quản lý mới trên cơ sở có sự định hướng của Nhà nước và vẫn đảm bảo sự ổn định của hệ thống khoa học.

### **3. Quan điểm vận dụng lý thuyết trong đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ ở Việt Nam**

Quản lý là hoạt động có chủ đích, được tiến hành bởi một chủ thể quản lý nhằm tác động lên khách thể quản lý để thực hiện các mục tiêu xác định của công tác quản lý. Trong mỗi chu trình quản lý, chủ thể tiến hành những hoạt động theo các chức năng của quản lý như hoạch định mục tiêu, các đường lối thực hiện mục tiêu, tổ chức, chỉ huy, điều hòa phối hợp, kiểm tra, và sử dụng các nguồn lực cơ bản như nhân lực, vật lực, tài lực, tin lực để thực hiện các mục tiêu đề ra trong một thời gian nhất định.

Là một nhánh của khoa học quản lý, quản lý khoa học và công nghệ hiện đại là một lĩnh vực liên ngành, ứng dụng tổng hợp những lý luận và phương pháp của khoa học quản lý và của các bộ môn khoa học khác như kinh tế học, xã hội học, tâm lý học, điều khiển học, lý thuyết thông tin, lý thuyết hệ thống, toán học... đồng thời hình thành hệ thống lý luận và khái niệm, phạm trù riêng của mình.

Trên thực tế, quản lý khoa học và công nghệ diễn ra ở nhiều tầng, nhiều lớp khác nhau: toàn cầu, khu vực, quốc gia, một ngành, một vùng, một địa phương. Chính vì vậy đề nghiên cứu về quản lý khoa học và công nghệ, chúng ta cần hiểu rõ những vấn đề cơ bản có tính lý luận về quản lý và quản lý hành chính nhà nước về khoa học và công nghệ.

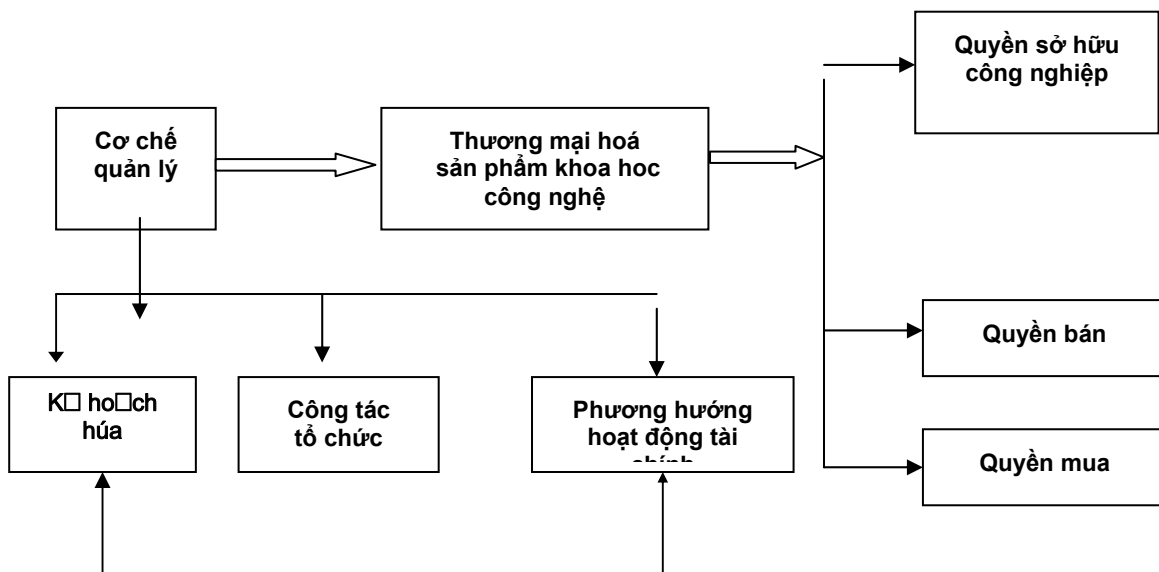
Đảng Cộng sản Việt Nam là người khởi xướng sự nghiệp đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện, thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VII) đã đặc biệt coi trọng



Từ những quan điểm đó của Đảng và Nhà nước đã xác lập vai trò, vị thế xã hội của cộng đồng khoa học, đồng thời mở ra cơ hội thăng tiến trong hoạt động khoa học. “Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... Tạo lập thị trường cho khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế tài chính nhằm khuyến khích sáng tạo và gắn ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, quản lý, dịch vụ. Có chính sách khuyến khích và buộc các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu đổi mới công nghệ... Có chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với nhà khoa học có công trình nghiên cứu xuất sắc; khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật công tác tại các vùng khó khăn...”<sup>3</sup>

Với việc xác lập nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước hình thành thị trường khoa học - công nghệ; các chủ trương phát triển các ngành khoa học mới tạo luồng cho sự di động cấu trúc; đẩy mạnh tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài, trao đổi chuyên gia... đã tạo điều kiện cho sự thăng tiến cho các nhà khoa học. Từng bước thực hiện dân chủ trong khoa học, xác lập các giá trị, chuẩn mực trong hoạt động khoa học, bảo hộ sở hữu trí tuệ, luật khoa học và công nghệ đã được ban hành tạo môi trường pháp lý cho hoạt động khoa học và công nghệ.

**Cơ chế quản lý hoạt động khoa học - công nghệ**



Nguồn: *Quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, 2000

Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ nói chung và cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học nói riêng là chủ trương của Đảng, Nhà nước là nhiệm vụ của mọi cấp, mọi ngành. Nước ta đã trải qua nhiều năm trong cơ chế quan liêu, bao cấp. Công cuộc đổi mới đã đạt được nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, về quản lý khoa học và công nghệ thì lại khá chậm chạp và chưa hiệu quả, mặc dù nhiều chủ trương đổi mới trong lĩnh vực này đã được đề ra ngay từ những năm 1980.

Đổi mới cơ chế quản lý trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được thể chế hóa trong Luật khoa học và công nghệ và được nhiều tác giả nghiên cứu ở các khía cạnh khác nhau, theo đó, cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, với tư cách là một bộ phận quan trọng của quản lý khoa học và công nghệ, cần được đổi mới ở các nội dung chính sau:

- Thứ nhất, Cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học cần được đổi mới theo hướng xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp và thay vào đó là xây dựng một cơ chế có sự kết hợp giữa vai trò quản lý Nhà nước

<sup>3</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội -2001.

với vai trò của thị trường.

- *Thứ hai*, Đổi mới về kế hoạch hóa hoạt động nghiên cứu khoa học và phương pháp xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Quá trình xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học phải có sự tham gia của đông đảo các thành phần trong xã hội, đặc biệt là doanh nghiệp. Việc xác định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phải kết hợp với thực tiễn và yêu cầu của thị trường. Nhà nước quyết định các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng yếu, liên ngành và dài hạn; các bộ, ngành quyết định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cụ thể gắn với điều kiện thực tế của mình; các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp căn cứ vào yêu cầu thực tế của sản xuất, đời sống và kế hoạch chung của bộ, ngành, chính phủ để xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo các quy định của pháp luật.

- *Thứ ba*, Đổi mới quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Cần đa dạng hóa hình thức giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học sử dụng ngân sách Nhà nước. Tùy theo tính chất của từng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học mà có thể giao trực tiếp hoặc tuyển chọn, đấu thầu... Quá trình xét, tuyển để giao nhiệm vụ, đánh giá, nghiệm thu, kết quả nghiên cứu... phải khách quan, chính xác, đảm bảo dân chủ thông qua cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần xã hội.

- *Thứ tư*, Đa dạng hóa nguồn đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tăng nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu khoa học, thực hiện chính sách ưu đãi tín dụng đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và tăng cường khai thác các nguồn vốn nước ngoài cho hoạt động này.

- *Thứ năm*, Đổi mới cơ chế quản lý tổ chức nghiên cứu khoa học và nhân lực nghiên cứu khoa học. Từng bước thực hiện phi hành chính hóa đối với các tổ chức nghiên cứu khoa học và phi công chức hóa đối với tất cả các cán bộ nghiên cứu khoa học, tăng quyền chủ động và tự chịu trách nhiệm của các tổ chức nghiên cứu khoa học.

- *Thứ sáu*, Xây dựng và phát triển thị trường công nghệ trong đó bộ phận quan trọng là thị trường sản phẩm nghiên cứu khoa học. Cần xây dựng thiết chế pháp luật quy định phương thức vận hành của thị trường, nâng cao chất lượng, tạo nhu cầu và tăng nguồn cung đối với các sản phẩm nghiên cứu khoa học. -

*Thứ bảy*, Bảo đảm gắn kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo được thực hiện gắn với các trường đại học, các tổ chức, cơ quan nghiên cứu và phát triển; Gắn kết giữa khoa học và công nghệ; giữa khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật trên cơ sở những nghiên cứu liên ngành nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội tổng hợp và phát triển bền vững đất nước.

#### **4. Thay lời kết**

Nghiên cứu khoa học là một dạng hoạt động đặc thù mang tính sáng tạo nhất của con người, là nhân tố tạo ra và thúc đẩy các quá trình đổi mới. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trước tiên phải đáp ứng được các yêu cầu xuất phát từ chính những hoạt động này. Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học cần xuất phát từ mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ, phù hợp với tính chất, đặc điểm của các hoạt động nghiên cứu khoa học, đáp ứng được các yêu cầu của quản lý hiện đại, xu thế vận động, đổi mới của hệ thống khoa học và công nghệ, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước, quốc tế, và phải căn cứ vào tình hình thực tế của mỗi tổ chức, hệ thống. Việc vận dụng cách tiếp cận lý thuyết cấu trúc - chức năng vào hoạt động quản lý nghiên cứu ở nước ta trong điều kiện hiện nay là hết sức cần thiết bởi nó giúp cho cơ quan quản lý, hoạch định chính sách có một cái nhìn tổng thể cấu trúc xã hội, mà ở đó khoa học và công nghệ như là những bộ phận cấu thành không thể thiếu để cho cấu trúc đó phát triển.

**Tài liệu tham khảo**

1. Chiến lược Phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010. (Ban hành kèm theo Quyết định số 272/2003/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ)
2. Pierre Ansart, Các trào lưu xã hội học hiện đại, Nxb TPHCM, 2001.
3. E.A. Capitonov, Xã hội học thế kỷ XX - Lịch sử và công nghệ, NXB, ĐHQG Hà Nội, 2003.
4. Gunter Endruweit (Chủ biên), Các lý thuyết xã hội học hiện đại, NXB Thế giới, Hà Nội, 1999.
5. Hermann Korte, Nhập môn lịch sử xã hội học. NXB Thế giới, 1997.
6. Vũ Quang Hà (dịch), Các lý thuyết xã hội học, tập 1&2, NXB \_\_ai học Quốc gia Hà nội, 2001
7. Lê Ngọc Hùng, Lịch sử và lý thuyết xã hội học, NXB KHXH, Hà nội, 2002.
8. Nguyễn Khắc Viện, Tự Điển xã hội học, NXB
9. Tạ Minh (Chủ biên), Nhập môn xã hội học, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
10. Bùi Quang Dũng, Nhập Môn Lịch sử xã hội học, Nxb KHXH, Hà Nội, 2004
11. Hà Ngân Dung, Các nhà xã hội học thế kỷ XX, Nxb KHXH, Hà Nội, 2001
12. Tài liệu Hội thảo “Chính sách phát triển khoa học xã hội, cơ chế hoạt động và quản lý hoạt động khoa học xã hội: thực trạng và những vấn đề đặt ra”. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức ngày 13 tháng 2 năm 2007. Các bài phát biểu gồm:
  1. Các quy định hiện hành về chính sách phát triển khoa học xã hội, về cơ chế hoạt động và quản lý hoạt động khoa học xã hội: thực trạng và những vấn đề đặt ra của PGS.TS. Võ Khánh Vinh.
  2. Cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội qua các văn bản hiện nay của PGS.TS. Lê Bộ Lĩnh.
  3. Nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động của các tổ chức khoa học xã hội - sự cần thiết và các nội dung nghiên cứu của PGS.TS. Mai Quỳnh Nam.
  4. Về cơ chế hoạt động của bộ máy quản lý Nhà nước về khoa học xã hội của PGS.TS. Trần Đình Hảo.
  5. Đánh giá bước đầu thực trạng cơ chế đầu tư phân bổ và sử dụng ngân sách Nhà nước đối với khoa học xã hội của TS. Phạm Văn Vang